

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MỸ THO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 138/2020/HNGĐ-ST
Ngày 29 tháng 9 năm 2020
V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Long.
2. Bà Lê Thị Thu Yến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trạng - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho tham gia phiên tòa: Bà Lê Phương Hồng Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 423/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 151/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Bình M**, sinh năm: 1982;
Địa chỉ: ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
2. Bị đơn: Anh **Cù Minh T**, sinh năm: 1986;
Địa chỉ: Ấp A, xã T, TP M, tỉnh Tiền Giang.

(Có mặt chị M, vắng mặt anh T)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 24/6/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phạm Thị Bình M trình bày: Chị và anh Cù Minh T kết hôn năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào ngày 03/01/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất hòa. Nguyên nhân là do vợ chồng luôn có nhiều bất đồng trong cuộc sống hằng ngày nên dẫn đến cự cãi, gây gổ nhau nhiều lần, từ đó mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Cù Minh T.

Về con chung: Có 01 con chung là Cù Ngọc Minh T, sinh ngày 24/11/2013. Chị M yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu T, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi lao động được.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Cù Minh T đã được Toà án tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà nhưng vẫn không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của chị M.

* Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Phạm Thị Bình M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Tuy nhiên, về mức cấp dưỡng nuôi con chị thay đổi yêu cầu từ việc yêu cầu anh T mỗi tháng cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng thành 800.000 đồng/tháng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử và các đương sự từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử chuẩn bị nghị án đều đúng theo trình tự do Bộ luật tố tụng quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát cho rằng yêu cầu khởi kiện của chị M là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị M được ly hôn với anh T, về con chung giao cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, mỗi tháng anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 800.000 đồng theo yêu cầu của chị M. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi thẩm tra xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nghe lời trình bày và phát biểu tranh luận của đương sự, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Phạm Thị Bình M và anh Cù Minh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Được Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 03/01/2013. Ngày 24/06/2020 chị M khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Cù Minh T đây là tranh chấp ly hôn được quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Hình thức và nội dung đơn khởi kiện đúng quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Cù Minh T cư trú tại ấp B, xã T, tỉnh Tiền Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho.

Bị đơn anh Cù Minh T đã được Tòa án tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng không có mặt để dự phiên tòa mà không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Cù Minh T theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Bình M và anh Cù Minh T được Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật, xác định hôn nhân của chị M và anh T là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị sống chung với nhau hạnh phúc đến năm 2016 phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng luôn có nhiều bất đồng trong cuộc sống hàng ngày nên dẫn đến cự cãi, gây gổ nhau nhiều lần, từ đó mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Thời gian kéo dài chị M cho rằng không còn tình cảm với anh T nữa nên khởi kiện để được ly hôn với anh T.

Xét thấy, từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa xét xử hôm nay, Tòa án đã triệu tập anh T đến để tham dự phiên tòa, nhưng anh T vắng mặt không có lý do, nên không đưa ra được một biện pháp cụ thể nào để hàn gắn lại mối quan hệ vợ chồng. Việc anh T không đến dự phiên tòa là mặc nhiên từ bỏ cơ hội để vợ chồng đoàn tụ với nhau. Tại phiên tòa chị M trình bày không còn tình cảm, không muốn tiếp tục chung sống đời sống vợ chồng với anh T nên đã nộp đơn ly hôn và tại phiên tòa vẫn cương quyết ly hôn, cho thấy hôn nhân giữa vợ chồng giữa anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh chị có 01 con chung tên Cù Ngọc Minh T, sinh ngày 24/11/2013. Tại phiên tòa chị M yêu cầu giao con chung cho chị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu T hiện nay còn nhỏ chưa đủ 07 tuổi và đang trực tiếp sống chung với chị M, để đảm bảo cho sự phát triển toàn diện của cháu cần giao cho mẹ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Trong đơn khởi kiện chị M yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi con tròn 18 tuổi lao động được. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay chị M yêu cầu anh T mỗi tháng cấp dưỡng nuôi con số tiền 800.000 đồng. Xét thấy, yêu cầu của chị Minh là có căn cứ đúng quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đề nghị của Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho là có cơ sở và phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Chị M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, anh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 92, 147, 189, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 8, 9, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84 và 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Bình M.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Bình M được ly hôn với anh Cù Minh T;

- Về con chung: Giao cháu Cù Ngọc Minh T, sinh ngày 24/11/2013 cho chị Phạm Thị Bình M trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Anh Cù Minh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000 đồng. Thời gian thực hiện từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Cù Ngọc Minh T đủ 18 tuổi và lao động được.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, chị M có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền cấp dưỡng, nếu anh T chậm thi hành án, thì hàng tháng còn phải chịu số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2. Về án phí: Chị Phạm Thị Bình M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị M đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001671 ngày 29/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, nên xem như đã nộp xong án phí. Anh Cù Minh T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Bình M có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Cù Minh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Mỹ Tho;
- Chi cục THADS TP Mỹ Tho;
- UBND xã B, H. C;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Thúy Hằng